

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TH  
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: **102/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 27/9/2021

*V/v: Tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Phạm Lành

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu N – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 194A/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh Đào Ngọc D, sinh năm 1990 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Tổ x, phường H, thành phố TH, tỉnh TH

**\* Bị đơn:** Chị Thăng Thị Hồng N, sinh năm 1990 (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Tổ x, phường H, thành phố TH, tỉnh TH

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN**

\* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đào Ngọc D trình bày: Anh và chị Thăng Thị Hồng N kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TH. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến hết năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong mọi lĩnh vực nhất là về kinh tế đến nuôi dạy con cái. Hai vợ chồng đã cùng nhau khắc phục nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, kiên quyết xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Đào Ngọc D1, sinh ngày 17/4/2015. Khi ly hôn anh đồng ý để cho chị N trực tiếp nuôi con. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Thăng Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Đào Ngọc D kết hôn năm 2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D và bố mẹ anh D có bất đồng về cách sống, dẫn đến vợ chồng hiểu nhầm nhau nên xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần, anh D sống tách biệt hoàn toàn với gia đình kể cả với bố mẹ đẻ. Hiện chị N và con vẫn ở cùng với bố mẹ chồng, còn anh D bỏ ra ngoài thuê nhà trọ để ở không ở cùng với mẹ con chị. Bản thân chị và bố mẹ anh D đã dùng nhiều biện pháp để mong anh D về đoàn tụ nhưng anh D không gặp và cũng không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh D xin ly hôn, chị không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đào Ngọc D1, sinh ngày 17/4/2015. Nếu phải ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu. Còn anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng, chị nhất trí.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để các đương sự cùng thỏa thuận giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh D và chị N không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký: đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự như xác định thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp; Chấp hành đúng về thời hạn chuẩn bị xét xử; Tại phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đào Ngọc D, anh Đào Ngọc D được ly hôn với chị Thăng Thị Hồng N; Về con chung: Giao cho chị Thăng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đào Ngọc D1, sinh ngày 17/4/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đào Ngọc D được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*\* Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Đào Ngọc D cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Đào Ngọc D phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đào Ngọc D và chị Thăng Thị Hồng N đều cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Ngọc D và chị Thăng Thị Hồng N kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TH nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Lý do anh D xin ly hôn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong mọi lĩnh vực từ kinh tế đến nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N cũng xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do anh D và bố mẹ anh D có bất đồng về cách sống, dẫn đến vợ chồng hiểu nhầm nhau nên xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần, anh D sống tách biệt hoàn toàn với gia đình kể cả với bố mẹ đẻ. Hiện anh D bỏ ra ngoài thuê nhà trọ không ở cùng với mẹ con chị. Bản thân chị và bố mẹ anh D đã dùng nhiều biện pháp để mong anh D về đoàn tụ nhưng anh D không gặp và cũng không về. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không ai thay đổi cách sống, không gặp nhau để hướng tới đoàn tụ nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Anh D và chị N có một con chung Đào Ngọc D1, sinh ngày 17/4/2015. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh D cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử thấy con chung hiện đang ở với mẹ, chị N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về ổn định cuộc sống và điều kiện học tập của cháu, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh D và chị N giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Điều 81. Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:

“ .....

*2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, song anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Xét về thực tế anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đó cũng quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi dưỡng con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, chị N nhất trí, cần chấp nhận sự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con của anh D và chị N.

Về tài sản chung: Anh D và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung: Anh D và chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh D phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đào Ngọc D. Anh Đào Ngọc D được ly hôn với chị Thăng Thị Hồng N.

2. Về con chung: Chị Thăng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Ngọc D1, sinh ngày 17/4/2015 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Ngọc D cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đào Ngọc D phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004708 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH và phải chịu số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Thanh Trúc**

*TH, ngày 27 tháng 9 năm 2021*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thanh Trúc

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Ông Phạm Lành

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 27/9/2021 tại Phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 194A/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn”, giữa:

*\* Nguyên đơn:* Anh Đào Ngọc D, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 09, phường H, thành phố TH, tỉnh TH

*\* Bị đơn:* Chị Thăng Thị Hồng N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Tổ 09, phường H, thành phố TH, tỉnh TH

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

**1. Điều luật áp dụng:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

**2. Tuyên xử:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đào Ngọc D. Anh Đào Ngọc D được ly hôn với chị Thăng Thị Hồng N.

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

2.2. Về con chung: Chị Thăng Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Ngọc Dũng, sinh ngày 17/4/2015 đến khi con đủ 18

tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Ngọc Dcấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

2.4. Án phí: Anh Đào Ngọc Dphải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004708 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH và phải chịu số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

2.5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3*

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thanh Trúc**





